

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P.**

Bản án số: 49/2020/HS-ST
Ngày: 29-4-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Ngọc Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Lê Hưng

2. Bà Trần Thị Vân Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Việt P., sinh năm 2001, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Việt L. và bà Nguyễn Thị H.; hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/5/2019 (Có mặt).

2. Nguyễn Phạm Hoài P1., sinh năm 1998, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Số X1, đường Y1, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không rõ) và bà Phạm Thị N.; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con; tiền án: Không, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Tăng Thị Bích C., sinh năm: 1971; thường trú: Số X2, đường Y2, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị H2., sinh năm: 1971; thường trú: Số X3, đường Y3, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

3. Ông Lê Huy T., sinh năm: 2001; thường trú: Số X4, đường Y4, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 ngày 28/5/2019, Công an phường Tây Thạnh tiến hành kiểm tra hành chính đối với Nguyễn Phạm Hoài P1. và Phạm Việt P. tại trước số 488 Lê Trọng Tấn, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú phát hiện trong túi quần phía trước bên phải P. đang mặc có 01 hộp Singum hiệu Doubelmint bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu nên tiến hành thu giữ và đưa cả hai về Công an phường làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, P. khai nhận: Khoảng 16h30 phút ngày 28/5/2019 P. điều khiển xe gắn máy biển số 59DB-01650 qua khu vực ngã tư Gò Mây, quận Bình Tân mua 01 gói ma túy đá với giá 500.000 đồng của một người đàn ông (chưa rõ lai lịch). Sau đó, P. bỏ ma túy đá vào hộp Singum cất vào túi quần trước bên phải rồi về nhà. Sau đó, P. gọi điện rủ P1. đi chơi, P1. đồng ý nên P. qua nhà đón P1.. Lúc này, P1. điều khiển chở P. đi được khoảng 200 mét thì P. nói có ma túy đá và hỏi P1. có sử dụng ma túy không thì hùn tiền nên P1. đưa cho P. 200.000 đồng để được sử dụng ma túy đá chung, P. lấy 200.000 đồng của P1. mua nước uống hết 10.000 đồng còn lại 190.000 đồng, khi cả hai đến trước số X5, đường Y6, phường Z, quận Tân Phú thì bị Công an kiểm tra thu giữ gói ma túy trong quần P..

Ngoài ra P. còn khai đã mua ma túy của người đàn ông trên được khoảng 05 lần, mỗi lần mua 200.000 đồng đến 500.000 đồng mục đích để sử dụng. Đồng thời P. khai P1. đã hùn tiền với P. được khoảng 03 lần, mỗi lần hùn 100.000 đồng đến 200.000 đồng sử dụng ma túy chung. Do bạn bè quen biết nên cả hai hùn tiền qua lại mua ma túy sử dụng, không hưởng lợi nhuận gì.

Đối với Nguyễn Phạm Hoài P1. khai nhận: P1. biết trong người P. có ma túy nên đã hùn số tiền 200.000 đồng để sử dụng ma túy chung, do trước đó cả hai đã nhiều lần hùn tiền mua ma túy sử dụng chung, khi đang đi tìm nơi để sử dụng ma túy thì bị Công an kiểm tra thu giữ. P1. sử dụng ma túy chung với P. khoảng 03 lần, P. mua ma túy hoặc P1. mua ma túy rồi về hùn tiền sau. Mỗi lần mua ma túy về cả hai đều cùng nhau sử dụng hết.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Việt P. và Nguyễn Phạm Hoài P1. đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như trên.

Đối với đối tượng bán ma túy cho P. do không biết rõ nhân thân lai lịch nên chưa làm việc được. Cơ quan Điều tra đang tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Tại bản kết luận giám định số 1194/KLGD-H ngày 06/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 01 gói nylon chứa tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine có khối lượng 0,4752g.

Vật chứng vụ án:

- Thu giữ của Phạm Việt P.:

+ 01 gói niêm P1. số 1194 bên ngoài có chữ ký của Giám định viên;

+ 01 hộp Singum hiệu Doublemint, P. dùng để cất giấu ma túy;

+ 01 xe gắn máy biển số 59DB-01650, P. khai xe mượn của bạn Lê Huy T., việc P. sử dụng xe để đi mua ma túy T. không biết. Qua xác minh, xe gắn máy do Bà Tăng Thị Bích C. đứng tên chủ sở hữu. Bà C. mua xe trên vào tháng 10/2015 và cho con trai là Lê Huy T. mượn làm phương tiện đi lại, việc T. cho P. mượn xe gắn máy bà C. không biết.

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số Imei 352884103500386; của Phạm Việt P. sử dụng liên lạc cá nhân.

+ 01 điện thoại di động hiệu SamSung số Imei 357103073398118; là tài sản của bà Nguyễn Thị H. (mẹ ruột bị cáo P.). Bà H. cho bị cáo P. mượn sử dụng.

+ Số tiền 190.000 đồng, P1. hùn với P. để sử dụng ma túy chung;

- Thu giữ của Nguyễn Phạm Hoài P1.:

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số Imei 356873070257563 , P1. sử dụng liên lạc cá nhân.

Tại Bản cáo trạng số: 29/CT-VKSQTP ngày 03/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Phạm Việt P. và Nguyễn Phạm Hoài P1. về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày lời luận tội và đề nghị: Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phạm Hoài P1. từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Phạm Việt P. từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về phần vật chứng vụ án đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Việt P. và Nguyễn Phạm Hoài P1. thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đánh giá hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc KH. nại về hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Đánh giá hành vi của các bị cáo:

Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đủ cơ sở để xác định: Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 28/5/2019, Phạm Việt P. và Nguyễn Phạm Hoài P1. đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy loại Methamphetamine. Khi P. và P1. đang chạy đi tìm chỗ sử dụng ma túy thì bị kiểm tra hành chính và bắt quả tang tại trước X5, đường Y6, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú truy tố các bị cáo theo Điều 249 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Theo kết luận giám định số 1194/KLGD-H ngày 06/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì khối lượng ma túy là 0,4752g Methamphetamine. Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Phạm Việt P. và Nguyễn Phạm Hoài P1. phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật nghiêm cấm; xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, không những gây ảnh hưởng đến trật tự, trị an, đến sức khỏe của con người, làm lây lan tệ nạn nghiện ngập ma túy trong xã hội mà còn là nguyên nhân phát sinh các tội phạm về ma túy và các tội phạm, tệ nạn xã hội khác. Bản thân các bị cáo là người đã thành niên, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Các bị cáo nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng do nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân, các bị cáo vẫn cố ý phạm tội, chứng tỏ ý thức xem thường pháp luật của các bị cáo. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo để giáo dục các bị cáo nói riêng và để đảm bảo việc đấu tranh, phòng chống tội phạm nói chung cho toàn xã hội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất đồng phạm giản đơn. Khi bị cáo P. rủ hùn tiền sử dụng ma túy thì bị cáo P1. đồng ý ngay và đưa tiền cho P.. Đối với bị cáo P. là người trực tiếp đi mua ma túy và cất giữ, do đó hình phạt đối với bị cáo P. phải nghiêm khắc hơn bị cáo P1..

Đối với đối tượng bán ma túy cho P. do không biết rõ nhân thân lai lịch nên chưa làm việc được. Cơ quan Điều tra đang tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau. Do đó Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Do đó miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với vật chứng thu giữ của Phạm Việt P.:

+ 01 gói niêm P1. số 1194 bên ngoài có chữ ký của Giám định viên; Là ma túy còn lại sau giám định, đây là vật chứng cầm lưu hành. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 hộp Singum hiệu Doublemint, P. dùng cất giấu ma túy; Là vật chứng không có giá trị sử dụng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 xe gắn máy biển số 59DB-01650, P. khai xe mượn của bạn Lê Huy T., việc P. sử dụng xe để đi mua ma túy T. không biết. Qua xác minh, xe gắn máy do Bà Tăng Thị Bích C. đứng tên chủ sở hữu. Bà C. mua xe trên vào tháng 10/2015 và cho con trai là Lê Huy T. mượn làm phương tiện đi lại. Việc T. cho P. mượn xe gắn máy đi mua ma túy, bà C. không biết. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần trả lại chiếc xe gắn máy trên cho bà Tăng Thị Bích C..

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số Imei 352884103500386; của Phạm Việt P. sử dụng liên lạc cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần trả lại cho bị cáo Phạm Việt P..

+ 01 điện thoại di động hiệu SamSung số Imei 357103073398118; là tài sản của bà Nguyễn Thị H. (mẹ ruột bị cáo P.). Bà H. cho bị cáo P. mượn sử dụng, không liên quan đến hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần trả lại cho bà Nguyễn Thị H.

+ Số tiền 190.000 đồng, P1. hùn với P. để sử dụng ma túy chung; Đây là tiền sử dụng vào việc phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

- Thu giữ của Nguyễn Phạm Hoài P1.:

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số Imei 356873070257563 , P1. sử dụng liên lạc cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Phạm Hoài P1..

[6] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ Điều 249 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Phạm Việt P. và Nguyễn Phạm Hoài P1. phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

[2] Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Việt P. 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 28/5/2019.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phạm Hoài P1. 01 (một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo Nguyễn Phạm Hoài P1. chấp hành án.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 gói niêm P1. số 1194 bên ngoài có chữ ký của Giám định viên và CBĐT.

+ 01 hộp kim loại bên ngoài có chữ Doublemint.

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước:

+ Số tiền 190.000 (một trăm chín mươi nghìn) đồng.

- Trả lại cho bà Tăng Thị Bích C.: 01 chiếc xe gắn máy hai bánh hiệu BossCity màu vàng, biển số 59DB-016.50; Số máy: RL8139FMBL5SF000430; Số khung: RL8DCB5UMF1000430.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị H.: 01 điện thoại di động hiệu SamSung màu trắng có số máy: 357103073398118.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Việt P.: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen; số máy: 352884103500386.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Phạm Hoài P1. 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số máy 356873070257563.

(Theo PH. nhập kho vật chứng số: 186/PNK ngày 22/7/2019 của Công an quận Tân Phú).

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 13/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[5] Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh (1);
- VKSND quận Tân Phú (3);
- THADS quận Tân Phú (1);
- THAHS quận Tân Phú (5);
- Phòng PC53 CA Tp. HCM (1);
- Nhà tạm giữ (2);
- Bị cáo (2);
- Người có QLNVLQ (2);
- Sở Tư Pháp (1);
- Lưu: VT (1); hồ sơ vụ án (1). (20)

Tô Thị Ngọc Phượng

